

WILLIAM ALEXANDER
VÀ
HOẠ PHẨM VỀ ĐÀNG TRONG

Nguyễn Duy Chính

Nghiên cứu sử nước ta bị một giới hạn rất quan trọng. Sách vở của người Việt rất ít hình ảnh nhất là về thời xưa. Những công trình văn hoá như hội họa, kiến trúc, điêu khắc ... để có thể giúp người nghiên cứu hình dung được một thời đại cũng hiếm hoi nên người đọc phải sử dụng óc tưởng tượng khá nhiều.

Trong trí nhớ của tôi, các sách sử Việt Nam chỉ có ba bức truyền thần có vẻ thật là bức hình ông Nguyễn Trãi, ông Phan Huy Ích (do người Tàu vẽ khi đi sứ), và hình ông Nguyễn Công Trứ (do một người học trò vẽ). Mãi về sau này mới có thêm một số hình ảnh nhưng thường cũng lem nhem vì sao đi chụp lại nhiều lần. Dường như chúng ta vẫn trọng chữ viết hơn nên sách vở hôm nay in tại hải ngoại cũng ít ai chịu khó tìm kiếm thêm hình ảnh để bổ túc cho tài liệu, hoặc nếu có thì cũng sơ sài, thiếu mỹ thuật. Nhiều bộ sách khá đồ sộ về lượng chữ nhưng lại hoàn toàn không có tranh ảnh hay bản đồ để minh chứng, một thiếu sót đáng kể cho những người muốn nghiên cứu một cách nghiêm túc. So sánh với sách vở của nước ngoài – dù chỉ là textbooks của bậc trung học – thì quả thực những bộ sách lớn nhất của người Việt cũng không theo kịp. Hình ảnh trên sách báo được in trên giấy láng màu mè “*bắt mắt*” có lẽ chỉ bao gồm những trang quảng cáo của các cơ sở thẩm mỹ, bìa băng nhạc, đại nhạc hội và buôn bán địa ốc.

Sự thiếu sót đó khiến cho chúng ta khó hình dung được cổ nhân hình dáng, sinh sống thế nào, đưa đến tình trạng tự ý thêm thắt bằng sự tưởng tượng riêng của mình trong một số hoạt cảnh được diễn đi diễn lại trên sân khấu như Hai Bà Trưng, Hội Nghị Diên Hồng, Chiến Thắng Đống Đa ... mà nhiều người có ấn tượng ăn sâu vào trong óc. Ngay cả những pho tượng (tượng dài) đã và đang được thực hiện ở trong nước với tốn phí khá cao cũng vấp nhiều khuyết điểm trầm trọng để các nhà phê bình phải lưu tâm.

Gần đây, một số nhà nghiên cứu đã thực hiện những mạng lưới trưng bày công trình sưu tầm được giúp chúng ta nhìn lại lịch sử trung thực hơn. Những hình ảnh đó cho biết khá nhiều về sinh hoạt và nhân dáng của người Việt Nam tuy chỉ mới độ hơn trăm năm trước mà sao khác với bây giờ nhiều quá, tưởng chừng như một dân tộc xa lạ nào chứ không phải ông bà tổ tiên mình phần nào đính chính một số nhận định chủ quan mang tính phóng đại về những thời kỳ trước khi phát minh ra máy ảnh.

Chính vì thế tôi viết bài này để tri ân một họa sĩ người Anh trong một chuyến công tác đi cùng phái bộ Macartney sang Trung Hoa đã ghé lại Đà Nẵng và bỏ công ghi lại một số hình ảnh về xứ Đàng Trong. Có lẽ đây mà những hình ảnh sớm nhất về sinh hoạt của người Việt chúng ta ở cuối thế kỷ 18, mặc dầu trước đó sách vở và tài liệu của Tây phương cũng đã có một số minh họa nhưng không trung thực và linh động bằng. Những bức hình đó đi kèm theo những nhận xét khác của người Anh về Đàng Trong giúp chúng ta tìm ra được nhiều điều chưa biết hết.

TIỂU SỬ

Ngày thứ Tư 24 tháng 7 năm 1816, họa sĩ Henry Edridge viết cho bác sĩ Thomas Monro như sau:

Bạn thân mến,

*Tôi thật xúc động không gì do lưỡng được khi báo tin anh bạn Alexander tôi nghiệp kia đã không còn nữa ... Một bức thư của em anh ta cho hay anh đã từ trần sáng hôm qua. Quả thật là đột ngột. Đến bây giờ nếu người ta có hối tiếc rằng đã tiếp đón anh ta không chu đáo ở Maidstone thì cũng vô ích thôi ...
Tôi hết sức đau lòng ...*

Monro Academy là một hiệp hội tập hợp các họa sĩ trong đó có nhiều người chuyên về màu nước (watercolourists) vào cuối thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19 tại Anh. William Alexander nổi tiếng vì ông đã thực hiện được một bộ tranh vẽ phong cảnh, biến cố và nhiều nhân vật quan trọng mà ông đã thực hiện ở Trung Hoa từ năm 1792 đến năm 1794. Vào thời kỳ chưa sáng chế ra máy ảnh, hội họa gần như là phương thức duy nhất để ghi lại những chứng cứ quan trọng giúp chúng ta dễ dàng “mường tượng” lại khung cảnh hơn cả thơ văn. Bộ tranh (có cả một số bản đồ) đó rất đồ sộ giúp người Âu Châu nhìn thấy được sinh hoạt của một thế giới mới mẻ mà họ nghe nhiều nhưng chưa biết bao nhiêu, đóng góp rất quan trọng cho những nghiên cứu về Á Đông.



Chân dung tự họa (self-portrait)

William Alexander: An English ... (1981) tr. 2

Cho đến nay, mỗi khi nhắc đến William Alexander, hầu như nhà nghiên cứu nào cũng gắn liền tên tuổi ông với công trình thực hiện trong hai năm ngắn ngủi và dường như không còn biết đến những tác phẩm khác.

Năm 1981, một cuộc triển lãm qui mô tại Brighton (The Royal Pavillion, Art Gallery and Museums) trưng bày những tranh vẽ đó, nhiều bức chưa hề được công chúng biết tới và là một tập hợp vô tiền khoáng hậu vì phải mượn lại của rất nhiều nhà sưu tập từ khắp mọi nơi.

Tiểu sử của Alexander có nhiều đoạn đứt quãng và cũng chưa ai có thể viết về ông với đầy đủ chi tiết. Gia đình ông gốc từ làng Boxley nhưng khi ông ra đời (ngày 10 tháng 4 năm 1767) thì cha ông, Harry Alexander, đang sống tại số nhà 56, Week Street, thị trấn Maidstone. Harry làm nghề đóng xe ngựa, có ba con trai nhưng cả ba đều không có con cái gì. William lấy cô Jane Wogan năm 1795 nhưng chỉ một thời gian ngắn thì qua đời khiến cho ông vô tự. Hai người kia khi chết đều còn độc thân còn cô em (hay chị) của William là Sarah thì cùng chồng di cư sang sống tại Hoa Kỳ. Những tác phẩm của William mà còn giữ được đều do gia đình Hughes là con cháu của ông cậu Thomas, khi đó cũng ở Maidstone.

Sau khi học xong bậc sơ học (Grammar School), William lên sống tại London năm 1782, mà nhiều người cho rằng ông theo học họa sĩ Julius Caesar Ibbetson. Đến tháng 2 năm 1784, ông được nhận vào trường Học Viện Hoàng Gia (Royal Academy Schools) còn bạn ông là Henry Edridge thì đã được vào từ tháng trước.

Đến tháng 9 năm 1792, Alexander được điều động tham dự phái đoàn của Lord Macartney. Đây là công tác chuyên môn quan trọng nhất và cũng là cơ hội lớn trong đời ông kéo dài hai năm tròn từ tháng 9 năm 1792 đến tháng 9 năm 1794. Như tập quán chung của các họa sĩ du hành thời đó, ông đi đến đâu chỉ vẽ phác bìng chì rồi khi về Anh mới vẽ lại bằng màu nước. Mỗi năm ông gửi một số tranh đã hoàn tất đến Học Viện Hoàng Gia (Royal Academy) và nhà trường chịu trách nhiệm ấn hành, quảng cáo các tác phẩm này. Trong khoảng 6 năm (1795-1804), ông có 16 lần triển lãm tranh tại Học Viện Hoàng Gia trong đó 13 lần đầu là những đề tài về Trung Hoa.

Trong 6 năm, từ 1802 đến 1808, Alexander chuyên về minh họa các cổ vật Ai Cập trong British Museum, một số những tác phẩm đó được khắc bản và ấn hành trong khoảng từ 1805 đến 1807. Năm 1808, ông làm Phụ Tá Quản Thủ chuyên bảo trì các bản vẽ và bản in. Tuy nhiên, thời gian sau cùng ông không còn khoẻ như trước vì bị bệnh sưng khớp (gout) mà ông than phiền rằng “vì phải làm việc trong những gian phòng ẩm ướt”. Ông dọn sang nhà chú ở Maidstone để dưỡng bệnh và điều trị bằng nhiều phương pháp thông dụng của thời ấy như cho đỉa hút máu (leeching), lể (purging), chườm... Ông mất ngày 23 tháng 7 năm 1816.

NGƯỜI ANH ĐẾN NƯỚC TA

Trong khoảng hơn 40 năm từ cuối thế kỷ 18 đến đầu thế kỷ 19, nước Anh cử bốn phái bộ tới Đà Nẵng để tìm cách thông thương và mở một văn phòng lãnh sự tại Huế nhưng không thành công. Bốn phái bộ đó (lấy tên người trưởng phái đoàn) là Chapman năm 1778, Macartney năm 1793, Roberts năm 1803, 1804 và Crawfurd năm 1822.

Người Âu đã có liên hệ với nhiều vùng ở bán đảo Đông Dương từ giữa thế kỷ 16, đầu tiên là những thuyền buôn của người Bồ Đào Nha (Portugal) thường xuyên qua lại từ Hội An đến Ma Cao. Đến thế kỷ thứ 17, ngoài người Bồ Đào Nha, chúng ta lại thấy có sự hiện diện của người Hà Lan, Anh và nhất là người Pháp, đến Việt Nam vừa buôn bán, vừa truyền đạo.

Anh Cát Lợi là quốc gia đầu tiên mở một xưởng máy ở Pnompenh và một thương điếm tại Bắc Hà từ 1672 đến 1697 để cạnh tranh với Hà Lan. Tuy họ cũng có thử một xưởng máy ở đảo Côn Lôn (Pulo Condore) từ 1702 đến 1705 nhưng rồi cũng bỏ vì thấy khu vực này nghèo nàn quá, tính ra không đủ chi phí để làm ăn lâu dài. Còn thương điếm ở Bắc Hà có được lâu hơn nhưng chính yếu là bán vũ khí nên khi nhu cầu suy giảm thì cũng phải bỏ đi.

Ngược lại, chúa Nguyễn ở Đà Nẵng có nhu cầu Nam tiến và cải tổ quân sự, luôn luôn phải đối phó với Xiêm La, Cao Miên nên người Âu Châu thấy rằng khu vực này có nhiều tiềm năng hơn. Các nhà truyền giáo cũng theo chân thương nhân vào giảng đạo, tạo được nhiều liên hệ mật thiết với triều đình. Ngay cả khi Võ Vương¹ ra lệnh cấm đạo hồi 1750 và trục xuất giáo sĩ, trong triều nhà Nguyễn cũng vẫn còn ba giáo sĩ thuộc dòng Jesuit là Johann Koffler, Xavier de Monteiro và Juan de Loureiro.²

Người Pháp cũng sử dụng các giáo sĩ như những đạo quân tiền phong để tìm hiểu tình hình và thực hiện một số lượng giá, và được các nhân vật trong chính giới và thương nhân có ảnh hưởng ở Paris liên tiếp thúc giục triều đình Pháp tìm cách mở rộng giao thương với Đà Nẵng. Năm 1739 chúng ta thấy có tiếng nói của Gentil de la Barbinais, năm 1744 lại có Jacques O'Friell và từ năm 1748 thì có Pierre Poivre (cũng là một giáo sĩ đã từng đến Đà Nẵng giảng đạo từ 1742-43 nhưng sau hoàn tục để trở thành một nhà buôn) đảm trách việc liên lạc với Võ Vương để thông thương.

Tháng 8 năm 1749, Poivre cùng chiến hạm Marchault (tàu trọng tải 600 tấn, trang bị 40 súng đại bác) đến Huế và được chúa Võ Vương tiếp đãi tử tế, cho phép buôn bán với một thuế biểu tương đối thấp. Thế nhưng Poivre có thái độ trịch thượng, gây gổ với nhiều người, kể cả viên thông ngôn cũng là một giáo dân Thiên Chúa và làm cho triều đình chúa Nguyễn chịu đưa đến việc trục xuất một số giáo sĩ Tây phương. Không chịu nhận lỗi về mình, Poivre cho rằng chỉ có cách dùng sức mạnh và chủ trương chiếm

¹ Tức Thanh Phúc Khoát (1738-1756)

² Alastair Lamb, *Bristish Mission to Cochinchina: 1778-1822* (1961) tr. 6 (trích lại từ Le Thanh Khoi, *Le Vietnam, Histoire et Civilisation*, Paris 1955 tr. 294)

Phú Xuân để cướp tài sản³. Năm 1759, một chiến dịch được chính quyền thuộc địa Pháp ở Ấn Độ phát động nhưng thuyền không đến được Huế vì nghịch gió và một số đông binh sĩ, sĩ quan bị bệnh chết nên phải quay về.⁴ Nếu thế thì đây mới thực là lần đầu tiên người Pháp đem quân xâm lấn nước ta mặc dù bất thành.⁵

Sau khi chúa Võ Vương mất (1765), tình hình Đàng Trong bước vào một giai đoạn bất ổn đưa đến cuộc khởi nghĩa Tây Sơn và việc chúa Trịnh đem quân tiến đánh Phú Xuân (1774). Thấy tình hình có cơ khai thác được, cả người Anh lẫn người Pháp đều tìm dịp để can thiệp vào Đại Việt. Năm 1778, chiếc tàu Rumbold của Anh đến Calcutta trên đó có hai viên quan Đàng Trong đi cùng giáo sĩ de Loureiro dòng Jesuit là người đã từng sống lâu năm tại triều đình chúa Nguyễn.

Thống đốc Pháp ở Chandernagore (thuộc địa Pháp tại Ấn Độ) là Chevalier thấy đây là một cơ hội bằng vàng nếu đem một chiếc tàu nhỏ cùng một số quân đưa hai viên quan Đàng Trong trở về, tin rằng trong tình hình phân liệt hiện tại, chỉ cần một lực lượng nhỏ cũng có thể giúp chúa Nguyễn khôi phục được vương quyền và đạt được thắng lợi lớn ở Đông Dương, không khó khăn như mấy chục năm trước khi Võ Vương còn tại vị.

Biết được thâm ý của người Pháp, người Anh liền cướp tiên cơ sai Charles Chapman hộ tống hai viên quan về nước. Người Anh cũng muốn nhân cơ hội này tìm một khu vực khác có thể thay thế nguồn hàng mà họ bị lệ thuộc quá nhiều vào thương mại với Trung Hoa.

Hàng năm người Anh phải mua một lượng trà khá lớn nhưng lại không có một loại hàng hoá nào có thể bán lại cho người Tàu để cân bằng mậu dịch. Tính ra thời đó, mỗi năm người Anh phải trả cho Trung Hoa khoảng chừng 700,000 bảng bạc. Trước đây thì họ còn có thể mua lậu của người Tây Ban Nha qua ngả Manila nhưng từ khi hai bên có chiến tranh (1762) và người Anh chiếm Manila thì nguồn bạc đổ vào Philippines đã gián đoạn. Trong trường kỳ, nếu không có một nguồn lợi nào thay thế, vấn đề khủng hoảng tài chính là chuyện tất nhiên.

³ Thư của P. Poivre trả lời Bộ Trưởng Pháp đền ngày 1 tháng 8 năm 1768. Georges Taboulet, *La Geste Francaise en Indochine* (Tome I) (Paris: Librairie d'Amérique et d'Orient, 1955) tr. 152-53

⁴ Joseph Buttinger, *The Smaller Dragon: A Political History of Vietnam*, Frederick A. Praeger, 1966 chương 4 – Missionaries, Merchants, and Conquerors tr. 231-32)

⁵ Theo Phan Phát Huân trong *Việt Nam Giáo Sứ* (Calif: Cứu Thế Tùng Thư, 1997) thì sờ dĩ Võ Vương có thái độ cứng rắn là vì “có một vị quan cận thần rất ghét người Công Giáo. Ông ta đã quả quyết với chúa (Nguyễn) rằng: “Các thừa sai tuy với tính cách truyền giáo, nhưng lúc đã vào được trong nước rồi thì tìm cách đem quân đội đến xâm chiếm ...” (tr. 194-5). Phan Phát Huân cũng cho rằng “bản thân Võ Vương có điều khó hiểu và mâu thuẫn” đang từ “có nhiều thiện cảm với Âu Châu, đột nhiên lại trở thành một người đã xuống lệnh giết hại và cấm đoán người Công Giáo ...” (tr. 194). Có lẽ tác giả đã cố tình không nhắc đến những âm mưu của những người như D'Eistaing hay Pierre Poivre chủ trương “ăn cướp” nước ta (*to invade Hué for seventy-two hours in order to rob the imperial palace of all its treasures and gold ...*), những cuộc tấn công bất thành (10-1759), những âm mưu xâm chiếm bằng súng đạn (1768) mà nhiều học giả đã khẳng định. (Joseph Buttinger, sđd. tr. 231)

Chính vì thế, một mặt người Anh tìm đủ mọi cách để giao thiệp với nhà Thanh, yêu cầu họ mở cửa cho tự do thông thương, mặt khác gấp rút đi tìm những quốc gia có khả năng thay thế nước Tàu trong việc cung ứng trà, tơ lụa và đồ sứ, hoặc những quốc gia trung gian nghĩa là tiêu thụ hàng của Anh và bán cho họ các loại hàng hoá mà người Trung Hoa cần dùng. Người Anh cũng đi tìm những khu vực “đầu cầu” có thể thay thế cho địa điểm Quảng Châu (Canton) nhà Thanh dành riêng cho ngoại quốc, một địa điểm giống như một hải cảng để lên xuống hàng hoá, dưới quyền kiểm soát của các “Co-hong” là những con buôn được Thanh triều uỷ nhiệm việc mua bán với nước ngoài nên có toàn quyền sinh sát, nếu như bị vỡ nợ thì không có cách gì đòi lại cả. Thương nhân Âu Châu lại chỉ có quyền ở trên đất Trung Hoa mỗi năm 6 tháng – từ tháng 10 đến tháng 3 – những tháng khác phải qua tạm trú ở Macao thuộc Bồ Đào Nha.

Nếu có một khu vực khác ngoài đất Trung Hoa làm nơi trao đổi hàng hoá thì các thương nhân ngoại quốc sẽ bớt bị lệ thuộc hơn nhiều. Những tính toán đó khiến cho người Anh tìm cách chiếm lĩnh nhiều địa điểm then chốt trong vùng Đông Á, điển hình là Penang và Singapore, Manila ...

Sau khi thử tại Bornéo nhưng không thành công, người Anh bắt đầu nhắm tới Malaysia và Đông Dương. Trong tình trạng mâu thuẫn và tranh chấp ngày càng mãnh liệt giữa các quốc gia Âu Châu, người Anh cần một căn cứ tại Đông Nam Á, vì nếu để người Pháp chiếm được thượng phong thì hải trình từ Ấn Độ sang Trung Hoa sẽ trở ngại lớn.

Chuyến đi của Chapman tới Đàng Trong cho chúng ta nhiều chi tiết về sinh hoạt của nước ta thời kỳ đó, nhất là miêu tả lại việc phái đoàn Anh gặp Nguyễn Nhạc và triều đình của vua Thái Đức ở Qui Nhơn. Nếu có dịp chúng tôi sẽ đi sâu hơn trong một biên khảo khác.

PHÁI BỘ ĐI TRUNG HOA

Ở trên đời nếu có tài mà không có cơ duyên thì cũng không ai biết tới. Mà duyên đưa đẩy thường lại thật bất ngờ.

Năm 1787, triều đình Anh Cát Lợi đưa một phái bộ sang Trung Hoa, người cầm đầu là Đại Tá Charles Cathcart và họa viên chính đi theo phái đoàn là Julius Caesar Ibbetson. Thời đó chưa phát minh ra máy chụp hình nên mỗi khi có một biến cố trọng đại thì người ta phải cất đặt một hay nhiều họa sĩ thấy gì thì vẽ phác lại, sau đó dùng trí nhớ và sự tưởng tượng của mình để hoàn thành một tác phẩm với đầy đủ chi tiết. Những bức tranh đó thường chỉ trung thực tới một mức độ nào đó vì ngoài việc ký ức con người rất giới hạn, họa sĩ còn phải chiêm theo ý của triều đình, không miêu tả những gì có thể làm hại đến uy tín của hoàng gia. Việc đó xảy ra không phải chỉ ở Âu Châu mà hầu như ở đâu cũng vậy. Đến thời nay, trong chế độ độc tài, nhiều ảnh chụp cũng còn được tô điểm lại, hoặc thêm, bớt người cho phù hợp với nhu cầu nhất là khi cần đề cao hay hạ thấp một cá nhân.

Không may cho phái bộ Cathcart, khi đoàn tàu mới vừa đến Java thì người trưởng đoàn từ trần vì bệnh lao và xác ông được chôn ngay tại đây, sau đó tất cả quay về Anh. Ibbetson tuy có vẽ được một số hình ảnh trong chuyến đi nhưng ngại ngùng không muốn mạo hiểm thêm một lần nữa nên khi được đề nghị đi theo phái bộ của Lord Macartney năm 1792 thì ông từ chối và tiến cử người học trò mình là họa sĩ William Alexander.

Vào cuối thế kỷ thứ 18, Anh quốc là nước có một hạm đội hùng hậu vào bậc nhất thế giới. Sự phát triển kỹ thuật và thương mại bành trướng khiến các quốc Tây phương có nhu cầu đi tìm những thị trường mới, trong đó Trung Hoa là đối tượng hàng đầu. Để có thể buôn bán với nước Tàu, triều đình Anh cho rằng không gì bằng thương thảo trực tiếp với Thanh triều.

Nhiệm vụ chính yếu của phái đoàn Macartney là làm sao cho triều đình Trung Hoa cảm thấy ưa chuộng những món quà mà họ đem dâng lên hoàng đế và sau đó cho phép họ mở một toà lãnh sự ngay tại Bắc Kinh đồng thời nhân cơ hội đi qua Trung Hoa để có khảo sát trực tiếp chính xác hơn về đế quốc này. Thành thử Macartney đem theo một lực lượng hùng hậu bao gồm nhiều chuyên gia khoa học, kỹ thuật, y khoa, thực vật ... và luôn có một sĩ quan pháo binh, đại úy Henry William Parish, cũng là một chuyên viên bản đồ, thiết kế và trắc địa. Mỗi chuyên viên sẽ theo ngành nghề của mình mà thu lượm tin tức.

Trưởng phái đoàn Lord Macartney đặt trọng tâm của công tác là ngoại giao và mở rộng thương mại nên không quan tâm về việc ghi nhận các biến cố trong chuyến đi bằng hình ảnh. Ông chọn Thomas Hickey là họa sĩ chính (official painter) cho phái đoàn, còn Alexander chỉ là họa viên (draughtsman), một chức vụ thấp hơn họa sĩ. Người ta cho rằng Macartney đã thiên vị và có ý biệt đãi Hickey vì lúc đó ông này đang thất nghiệp.

Nhiều chuyện đáng than phiền về ông họa sĩ này, kể cả việc ông ta không cấp giấy bút cho Alexander mặc dù kho không thiếu.

Hai người họa sĩ cũng bị lỡ nhiều dịp để ghi lại những hoạt cảnh quan trọng, đáng kể nhất là không được tham dự trong phái đoàn Macartney lên Nhiệt Hà (Jehol) triều kiến hoàng đế nhà Thanh và khi trở về lại phải đi thuyền từ Hàng Châu xuống Quảng Đông nên mất nhiều dịp vẽ phong cảnh và sinh hoạt trên đường đi.

Dịp may cho Việt Nam là phái đoàn có ghé ngang vịnh Tourane từ 25 tháng năm đến 15 tháng 6 năm 1793 và chính nhờ thế mà chúng ta có được một số tranh ảnh về Đà Nẵng Trong thời kỳ này. Trước khi đến Việt Nam, phái đoàn ghé ngang thuộc địa Hoà Lan tại Batavia thuộc Java. Khi đó thành phố này đã có nhiều dinh thự xây theo kiểu Tây phương không khác gì một thành phố ở Âu châu. Alexander có vẽ lại một con đường với một nhà thờ Calvin nhưng họ cũng than phiền là vì nhiều kinh đào và đầm lầy tù đọng nên rất nhiều muỗi. Ngày 6 tháng 4 năm 1793, phái đoàn viếng ngôi mộ của Charles Cathcart gần Anjere Point trên đảo Java và Alexander đã vẽ hình tấm bia này, dùng làm phụ bản số IX cho cuốn *A Voyage to Cochinchina*.

Ngày 16 tháng 5 năm 1793, tàu Anh đến lãnh thổ Việt Nam, cập bến Tourane (Đà Nẵng). Alexander và người trong phái bộ có dịp đặt chân lên xứ Đà Nẵng Trong. Tuy chỉ ghé lại Tourane một thời gian ngắn nhưng phái đoàn Anh cũng đã ghi lại nhiều điều mắt thấy tai nghe, quan trọng nhất là tác phẩm *Cuộc Du Hành đến Đà Nẵng Trong*⁶ (*A Voyage to Cochinchina*) của John Barrow, ấn hành lần đầu tiên năm 1806 được nhiều học giả chú ý. Ngay sau khi tác phẩm này ra đời, một bản dịch ra tiếng Pháp (*Voyage à la Cochinchine par les îles de Madère, de Ténériffe et du Cap Verd, le Brésil et l'Île de Java*) bao gồm 2 tập do Malte-Brun dịch và in tại Paris năm 1807. Chính John White, thuyền trưởng người Mỹ, cũng dựa khá nhiều vào cuốn *Cuộc Du Hành đến Đà Nẵng Trong* để viết tác phẩm *A Voyage to Cochinchina* (London, 1824) khi ông đến Việt Nam vào năm 1819 và 1820.

Vì chuyến đi Trung Hoa được nhiều tác giả nghiên cứu và chính những người tham dự trong phái đoàn cũng quan tâm ghi chép tường tận hơn, hầu như chúng ta ít ai biết đến việc người Anh đã đến Việt Nam dưới thời Cảnh Thịnh. Tuy nhiên, những ghi nhận của John Barrow và nhật ký du hành của Macartney (Macartney's Journal), một số thư từ qua lại và nhất là những bức minh họa của William Alexander cho chúng ta khá nhiều chi tiết về sinh hoạt tại Đà Nẵng Trong, mặc dù nhiều sự kiện lịch sử không hoàn toàn chính xác (do phái đoàn Anh thu thập từ một số giáo sĩ Tây phương đang sống ở Đà Nẵng vào thời kỳ đó).

⁶ Tuy nhan đề như thế nhưng trong khoảng 437 trang sách, chỉ có 117 trang về Đà Nẵng Trong (243-360), phần còn lại viết về nhiều vùng khác kể cả Nam Mỹ, Nam Phi, Batavia ...

Theo Milton Osborne trong phần giới thiệu bản in lại quyển *A Voyage to Cochinchina* (Oxford University Press, 1975) thì việc người Anh ghé ngang Tourane cũng có dụng ý. Henry Dundas, bộ trưởng Nội Vụ đã chỉ thị cho Macartney:

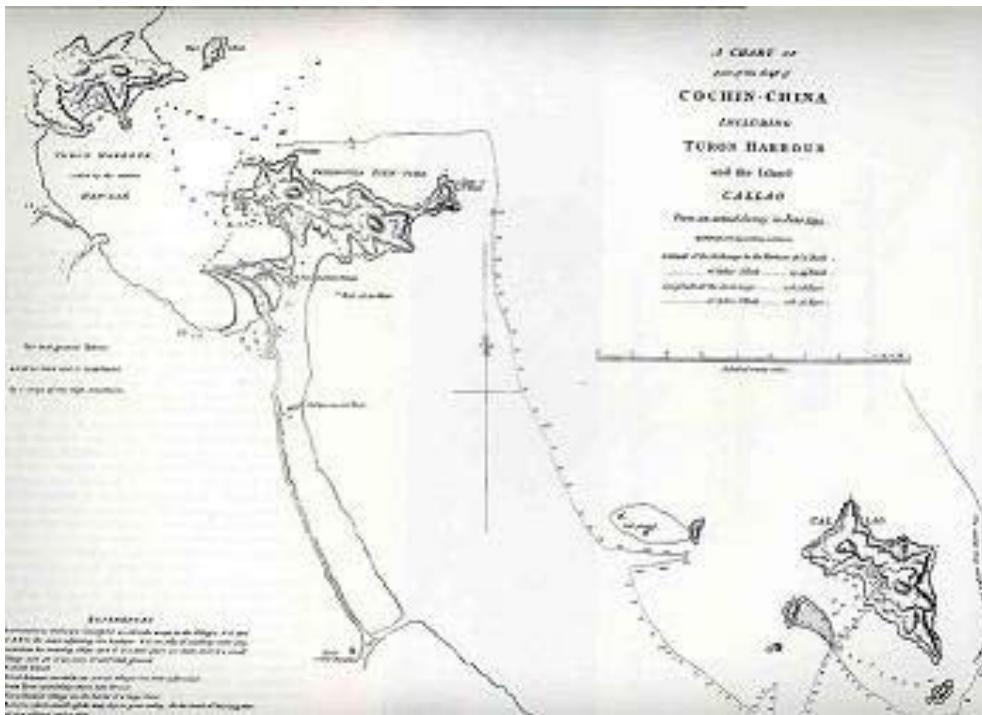
*Ở vương quốc Cochin China tuy nhỏ bé nhưng mầu mỡ kia không những trà mà cả đường cũng rất dồi dào, lại xuất cảng với giá rẻ hơn các vùng khác ở Đông hay Tây Á. Giá đường lên cao đến mức báo động tại Âu Châu không phải chỉ ảnh hưởng đến giai cấp thấp vì là một nhu cầu cần thiết cho cuộc sống, mà ảnh hưởng cả đến thu nhập quốc gia và nếu như mức tiêu thụ giảm đi thì thuế đánh vào những mặt hàng có liên quan đến đường cũng giảm theo. Chính điều này khiến chúng ta lúc này phải quan tâm đến bất cứ quốc gia nào có thể cung cấp đường với giá phải chăng.*⁷

Phái bộ Macartney biết rất ít về nước ta vì một lẽ dễ hiểu là báo cáo của phái bộ Chapman năm 1778 với những chi tiết quan trọng mãi tới 1801 được xuất bản. Khi Chapman đến Việt Nam, nhà Tây Sơn đang thịnh và chúa Nguyễn ở vào thế diệt vong nhưng sau 15 năm, nhà Tây Sơn lại trên đường tàn lụi trong khi Nguyễn Vượng dần dần khôi phục được cơ nghiệp. Tuy nhiên, những nơi mà phái bộ Macartney đặt chân đến vẫn hoàn toàn thuộc lãnh thổ vua Cảnh Thịnh cai trị và qua tường trình này, chúng ta có thể biết khá nhiều về sinh hoạt của Đàng Trong nói chung và đời sống dưới sự cai trị của nhà Tây Sơn nói riêng.

Những tác phẩm của họa sĩ William Alexander – chủ đề chính yếu của bài viết này – đã đóng góp rất nhiều, ghi nhận những sinh hoạt mà người Anh mắt thấy tai nghe. Những bức tranh đó được minh họa bằng chì và màu nước, khắc bản bởi T. Medland. Bất cứ ai khi nhìn những đường nét của William Alexander cũng phải tấm tắc là rất linh động, xứng đáng với lời khen tặng của Milton Osborne cho rằng ông là “một trong những họa sĩ tài ba nhất hồi cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19”⁸.

⁷ Alastair Lamb, *The Mandarin Road to Old Hué*, 1970 tr. 146-7

⁸ John Barrow, sđd. tr. xvi



Bản đồ vùng vịnh Tourane (1793)

(vẽ theo tài liệu trắc địa của phái bộ Macartney)

Alastair Lamb, *British Missions to Cochinchina: 1778-1822* (1961) phụ bản giữa trang 98-9



Hình 1: Vịnh Tourane xa xa có neo hai chiếc tàu Lion và Hindostan (W. Alexander 1793)
Alastair Lamb, *The Mandarin Road...* (1970) tr. 176



Hình 2: Dân chúng đá cầu tại một làng ở Đàng Trong (W. Alexander 1793)

Alastair Lamb, *The Mandarin Road...* (1970) tr. 161



Hình 3: Thuyền trên sông Fai-fo (Hội An) (W. Alexander, 1793)

Alastair Lamb, *The Mandarin Road...* (1970) tr. 176

NHỮNG BỨC TRANH CỦA W. ALEXANDER VỀ ĐÀNG TRONG

Không ai có thể biết đích xác William Alexander đã vẽ bao nhiêu bức tranh ở Đàng Trong vì một số được hoạ lại theo những bản phác bằng chì, một số tổng hợp nhiều hình ảnh khác nhau ở nhiều nơi, và chắc chắn một số đã thất lạc hay chính sở hữu chủ cũng không biết rằng đây là cảnh hay người ở Đàng Trong nên không xếp loại được.

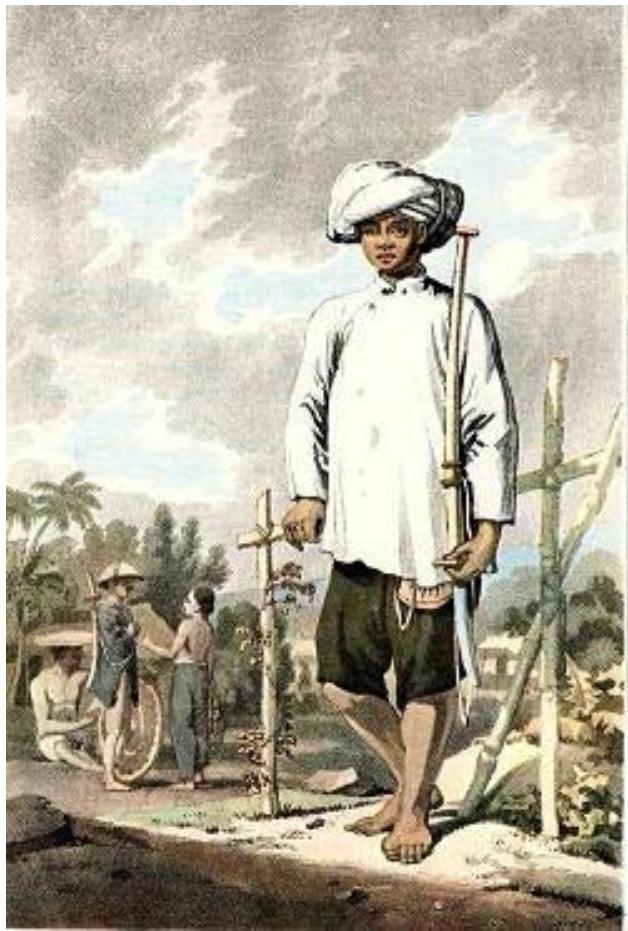
Theo chi tiết trong Catalog của Viện Bảo Tàng Nghệ Thuật Brighton (Art Gallery and Museums) thì có khoảng gần 50 bức tranh của William Alexander về Đàng Trong tàng trữ trong sưu tập của Thư Viện Ấn Độ thuộc Anh và nhiều bức tranh khác trong tay những nhà sưu tập.

Tuy nhiên có những bức tranh được nhiều người biết đến giúp chúng ta rút ra một số chi tiết và thông tin về Đàng Trong cuối thế kỷ 18 mà chúng tôi đính kèm trong biên khảo này.

Y phục của người lính ở Đàng Trong (Hình 4) bao gồm một khăn quấn trên đầu (turban), áo rộng (smock frock) và quần (a pair of drawers), thông dụng cho cả quân Tây Sơn lẫn quân chúa Nguyễn mà Barrow cho rằng miêu tả chính xác thực tế ở ngoài đời⁹. Cũng trên bức tranh người lính Tây Sơn, ở phía bên trái chúng ta thấy có thêm một người lính cởi trần, tay cầm khiên và một cặp vợ chồng ra vẻ như từ biệt nhau. Điểm đặc biệt là dường như họ chỉ có một bộ quần áo là tài sản duy nhất nên khi chia tay, người chồng mang theo cái áo còn phần người vợ là chiếc quần. Chúng ta cũng thấy những người lính này mang kiếm, hoặc cắp ở tay, hoặc đeo trên vai và đeo một túi nhỏ ở thắt lưng có lẽ là túi trầu cau và những món lặt vặt theo thói quen thời đó.

Trong số hình ảnh được giới thiệu ở buổi triển lãm tại Viện Bảo Tàng Brighton, có ba bức về Đàng Trong rất đặc biệt (Hình 5, 6 và 7). Theo ghi chú trong tập Catalog này thì ba tấm có liên hệ với nhau gồm khuôn mặt một người lính đeo kiếm (Hình 5), có thể là bản nháp để vẽ hình số 4, một viên quan nhỏ (An Inferior Mandarin of Tourane Bay), tay cầm quạt, vai đeo túi đựng trầu (Hình 6) và một tiểu đồng xách điếu cho ông quan (Piep-bearer to a Mandarin of Tourane). Khuôn mặt của người Đàng Trong rắn rời là một nét đặc thù mà William Alexander đã ghi nhận được. Tuy nhiên nhận xét của John Barrow cho rằng các người đầy tớ này có thể là bạn đồng tính luyến ái (homosexual companions) của người chủ e rằng không chính xác. Lối xắn quần lên tận đầu gối, chân hoàn toàn để trần không giày vớ là một đặc điểm không phải chỉ ở nước ta mà hầu như khắp mọi nơi trong vùng Nam Á vào thời đó, tuy mỗi nước có khác nhau chút đỉnh. (Hình 7)

⁹ John Barrow, sđd. tr. 284



Hình 4: Người lính Đàng Trong (W. Alexander 1793)

John Barrow, *A Voyage to Cochinchina* (1806) tr. 284-5



Hình 5: Người lính Đàng Trong đeo kiếm (1793)

William Alexander: An English ... (1981) tr. 21



Hình 6: Một viên quan nhỏ ở Đà Nẵng Trong (1793)

William Alexander: *An English ...* (1981) tr. 22



Hình 7: Thằng bé cắp đĩa cho quan ở Tourane (1793)

William Alexander: *An English ...* (1981) tr. 23

Sau một số hiểu lầm¹⁰ (vì quan Tây Sơn tưởng đây là tàu Pháp của chúa Nguyễn đến tấn công), các quan địa phương đã mở tiệc thết đãi phái đoàn Anh. Bữa tiệc này tuy nói lên một số điểm lạ lùng với người Âu Châu nhưng quen thuộc với chúng ta.

Khi thấy không có toà nhà nào có đủ chỗ chứa, viên trấn thủ ra lệnh dựng một cái rạp bằng tre, mái và chung quanh che liếp hay chiếu như kiểu ở nhà quê người ta vẫn thường làm khi có giỗ chạp, hội hè. Bên trong rạp xếp một dãy bàn có ghế dài mỗi bên ngồi được từ 20 đến 24 người. Mỗi người được xếp thia bằng sứ và đũa gỗ mun hay tre. Thức ăn gồm đủ mọi loại thịt bò, thịt heo, cá, gia cầm cắt thành miếng nhỏ nhưng không đem nước hay rượu, chỉ ăn xong mới mời rượu để.

Trong khi dùng bữa, một “phường chèo” được sắp đặt để hát ngay bên cạnh liên tục cả ngày bất kể có khách hay không. Viên trấn thủ ngồi xếp bằng trên chiếu, vừa xem vừa hút thuốc, ăn trâu, hai bên có hai người cầm quạt lông quạt vào.¹¹

Khi nghe tin có tàu Anh đến Đà Nẵng, triều đình Cảnh Thịnh tỏ vẻ mừng rỡ và nhiều chi tiết khác cho thấy nhà Tây Sơn rất mong mỏi mua được tàu bè, súng đạn của bên ngoài để đối phó với chúa Nguyễn Ánh càng lúc càng đe doạ. Kèm theo thư của vua Cảnh Thịnh, các quan ta đã tặng cho người Anh 10 con trâu, 50 con heo, khoảng 300 gà vịt cùng các loại trái cây, bí rợ, cà (brinjalls), hành và đủ loại rau cỏ khác.

...Những món hàng tươi này được chở bằng bè chạy buồm, đi trước là một đoàn thuyền chèo tay, trang trí bằng những hình vẽ màu mè và các loại cờ quạt. Đại sứ Anh (tức Macartney) phúc đáp kèm theo một khẩu súng hai nòng với đủ các phụ tùng, một đôi súng ngắn bằng đồng với lưỡi lê, một thanh kiếm thép, và vài tấm vải len cùng vải khổ rộng màu đỏ ...¹²

Trong lá thư thứ hai, vua Cảnh Thịnh đề nghị người Anh buôn bán và tặng cho họ một đôi ngà voi, mười thúng tiêu và khoảng 3000 thúng gạo, tính ra trên một trăm tấn. Hai bên tiến thêm một bước là sẽ có một buổi gặp gỡ chính thức định vào ngày mồng 4 tháng 6 năm 1793 (tính ra là ngày 24 tháng 4 năm Quý Sửu) là ngày sinh nhật của hoàng đế, hôm đó đặc biệt sẽ có một ngày hội lớn để tỏ lòng hiếu khách.

Để tiếp khách, quan lại Đà Nẵng dựng một cái rạp thật lớn, cột bằng tre, phủ cót che vải dày đồng thời điều động một đội lính túc trực kèm theo một số voi chiến khiến người Anh cũng e dè và phải đưa vào bến hai thuyền buồm (brigs) loại nhỏ để nếu xảy ra bất trắc thì còn có phương tiện rút lui. Bàn dành cho phái đoàn Anh được phủ khăn và dọn dao nĩa theo kiểu Tây phương thay vì bát đũa như bữa tiệc lần trước.

¹⁰ Trước đây người Anh đã tự ý đi lại trong khu vực để đo đạc vùng biển (surveying) vịnh Đà Nẵng nên đã bị quan ta phản đối (John Barrow, sđd. tr. 291)

¹¹ Sđd. tr. 288

¹² John Barrow, sđd. tr. 290-91

Điều xung khắc duy nhất có lẽ là vấn đề lễ nghi. Viên trấn thủ Quảng Nam muốn phái đoàn Anh làm lễ khấn đầu trước một tấm trướng bằng lụa vàng viết niên hiệu Cảnh Thịnh tượng trưng cho vua Tây Sơn hay ít nhất cũng cúi chào viễn đại thần ngồi xếp bằng thay mặt cho triều đình nhưng người Anh lờ đi và tự ý đi vào chỗ ngồi.

Ông quan đó tỏ vẻ khó chịu khi người Anh không chịu khấn đầu nên cũng không quan tâm lắm khi mỗi viên chức được giới thiệu tên và chức vụ và chỉ sững sốt khi đề cập đến Đại Uý Parish thuộc pháo binh là người “*đảm trách việc điều khiển các loại thần công*”¹³ đủ biết triều đình Tây Sơn rất quan tâm đến vũ khí của Tây phương. Việc khiến phái đoàn Anh chú ý nhất là một buổi diễn tuồng ngay trong bữa tiệc. Sau đây là miêu tả của phái đoàn Macartney:

Ở phía cuối của tòa nhà một phường tuồng đang ở khúc giữa một hài kịch lịch sử nhưng khi chúng tôi được xếp chỗ ngồi thì họ ngưng lại, tiến đến trước mặt quì và lạy chín lần, công việc mà họ coi như chúng tôi rất khiêm lẽ khi không chịu lạy bức trướng và viên quan. Sau đó họ trở về tiếp tục trình diễn suốt thời gian chúng tôi ở đó vừa ôn ào, vừa náo nhiệt.

Ngày hôm đó trời nóng, trong bóng râm ngoài trời nhiệt kế chỉ 81 độ (Farenheit) và ít ra cũng phải thêm 10 độ nữa ở trong rạp, lại thêm đám đông chen chúc nhau xem người lạ, tiếng chiêng trống ầm ĩ, kèn sáo inh ỏi quả thực hết sức khó chịu nên chỉ dành cố gắng chú tâm vào vở kịch cho qua được một chút.

Màn đáng nhớ nhất và cũng ít ôn ào nhất của vở tuồng là một đoạn khúc do ba phụ nữ trình diễn để giúp vui cho người dân chính mặc như kiểu một hoàng hậu thời xưa ngồi xem, trong khi một hoạn quan già, ăn mặc rất dị hợm ra làm trò hề như trong một hài kịch Harlequin.

Lời đối thoại trong phần này khác hẳn lối kể lể đơn điệu và rên rĩ của Trung Hoa, nhẹ nhàng vui vẻ, thỉnh thoảng cắt quãng bằng những khúc hát và được cả bọn phụ họa theo.

Những khúc hát đó, không chuốt lọc như các điệu khác, dường như đã được soạn sẵn, được trình bày theo từng nhịp ...

Theo phái đoàn Anh thì ba phụ nữ “phô diễn được hình dáng thanh thoát trong một điệu múa cầu kỳ mặc dầu ít chú trọng đến bước chân”¹⁴, diễn tả bằng nhiều động tác dùng cả đầu, thân mình, tay rất nhịp nhàng theo điệu nhạc. Chính vì không thấy một điệu múa nào của người Trung Hoa nên người Anh cho rằng các vũ điệu họ được thưởng thức ở Đàng Trong là của riêng người Việt có thể bắt nguồn từ Ấn Độ. (Hình 8)

Buổi hát tuồng ở Đàng Trong không bán vé vào cửa mà gánh hát được trả một khoản tiền nhất định, hoặc có khi diễn ngoài trời cho công chúng. Thay vì chỉ vỗ tay khen

¹³ overseer of the great guns (tr. 294)

¹⁴ the three Cochinchinese graces displayed their fine slender shapes in the mazy dance, in which, however, the feet were the least concerned (John Barrow, sđd. tr. 296)

ngợi suông, khán giả ném tiền vào cho và chính vì thế viên quan đưa cho phái đoàn Anh một xâu vài trăm đồng tiền để thưởng cho đào kép.

Vì ngày 4 tháng 6 là một ngày đại lễ của xứ Đàng Trong nên khắp nơi chỗ nào cũng có hội hè. Những người Anh rủ nhau đi khắp nơi xem hội, chỗ thì trẻ em đá banh bằng bong bóng (bladder), chỗ thì thi nhảy qua sào ngang, chỗ khác đá gà còn con thì chơi chim hay chơi dế và đâu đâu cũng có người đánh bài hay búng thò lò.

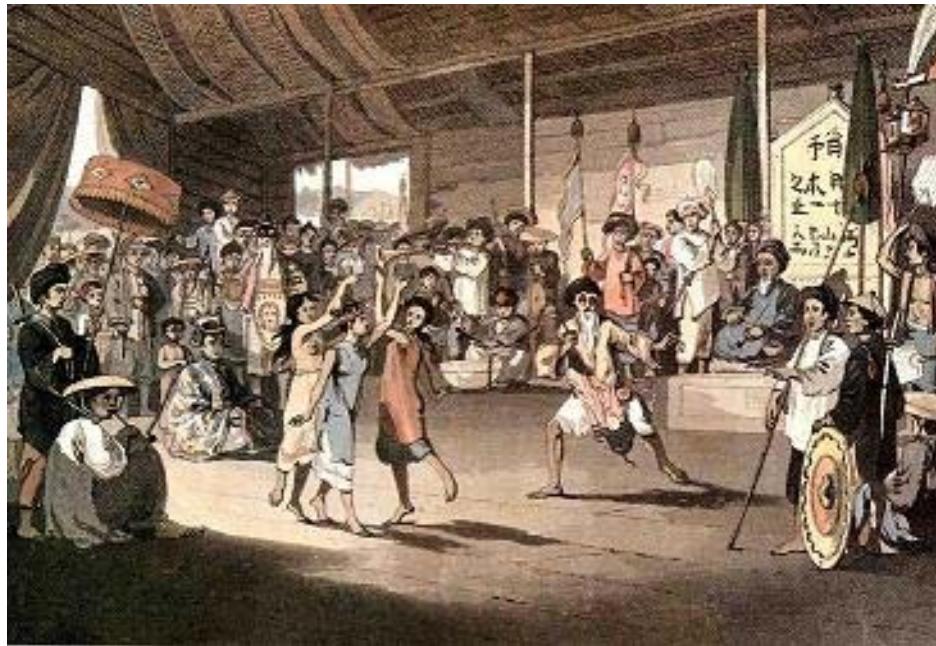
Cảnh vui nhộn nhất mà phái đoàn Anh ghi nhận là một đám thanh niên đá cầu (shuttlecock) qua lại bằng gót chân mà họ cho rằng rất khéo léo (Hình 2). Hạm trưởng Mackintosh cũng đề cập đến sự nhanh nhẹn và mạnh mẽ của người Đàng Trong khi dùng chân đá trúng hàm một thuỷ thủ khi tưởng có thể đánh bại y bằng môn quyền Anh (boxing).

... Trong khi người thuỷ vòn vòn để tìm một điểm chính xác đánh một cú đút điểm đích thủ thì người Đàng Trong kia chỉ nhe răng cười rồi bất ngờ tung chân đá một cú thật mạnh, sau đó thản nhiên quay đi để gã thuỷ thủ ngắn ngơ và tiếng cười chế nhạo vui vẻ của đám đông ...¹⁵

Người Anh cũng ghi nhận một thói xấu của người Đàng Trong là hay tìm cách lấy trộm những món lặt vặt như khăn tay, khoá thắt lưng ... và những món đồ kim loại nếu xin không được.¹⁶ Thói xấu đó khiến phái đoàn Anh lúc nào cũng phải đề phòng kể cả khi các viên chức triều đình lên thăm tàu của họ.

¹⁵ While the sailor was squaring his arms and manoeuvring and looking for the exact spot where he should hit his antagonist a knock-down blow, the Cochinchinese, while grinning in his face, very coolly turned up his heel and, giving him a hard and totally unexpected kick in the jaw, walked away with great composure, leaving the astonished sailor to the laughter and merriment of the crowd. John Barrow, sđd. tr. 298

¹⁶ John Barrow, sđd. tr. 298-99. Alastair Lamb, *The Mandarin Road to Old Hue*, tr. 162. Tuy nhiên việc tìm cách lấy những món đồ nhỏ này có lẽ không phải vì tính tham lam mà chỉ vì tò mò hay tinh nghịch – tính lừa cá thường thấy ở dân chúng giai cấp bình dân. Trong một đoạn khác, Macartney lại khen ngợi tính hiếu khách của những quan lại người Việt. *These Mandarins appeared to them (các viên chức phái đoàn Anh) như mua thực phẩm, trái cây tại chợ, chú thích của tác giả) a very civilized race, as they not only gave them a good dinner but introduced them to their wives. They have a good deal of conversation with them, and seemed much surprised that the English should know so much of their history and concerns, as appeared in our gentlemen's discourse to them. They were all well dressed in long silk habits, were carried in handsome palankeens to their houses, which were at some distance from the village.* Alastair Lamb, sđd. tr. 161



Hình 8: Hát tuồng ở Đàng Trong (W. Alexander 1793)

John Barrow, *A Voyage to Cochinchina* (1806) tr. 296-97

Một bức tranh khác cũng đáng để ý vẽ một nhóm người Đàng Trong (Hình 9). Tuy miêu tả một đám hơn chục người nhưng thực ra là những hình ảnh tiêu biểu nhất mà William Alexander nhìn thấy, đại diện cho nhiều tầng lớp khác nhau, nhiều hạng người được minh họa cùng một cảnh. Những hình ảnh đó giúp chúng ta hình dung rõ ràng hơn những gì phái đoàn Anh đã thấy. Bức tranh bao gồm 11 người trong đó có ba người lính, một người đeo gươm đứng phía sau, hai người ngồi đằng trước. Một người có vẻ chức quyền đội nón rộng, vai đeo túi tương tự như bức hình ông quan (Hình 6) ở trên.

Vì khí hậu, vì dinh dưỡng ... người Đàng Trong da dẻ hơi thô và màu sẫm như người Mã Lai, có thói quen nhai trầu bóm bém, nhuộm răng đen nên cũng không còn hoàn toàn tự nhiên nữa.

Về tính tình, người Đàng Trong vui vẻ dễ chịu và nói luôn miệng, khác với người Trung Hoa luôn luôn nghiêm nghị suy tính. Điểm khác biệt quan trọng là người Tàu không giao việc gì quan trọng cho phụ nữ, trái lại ở Đàng Trong đàn bà lại là người đóng vai trò chính yếu trong gia đình. Tuy bị coi nhẹ và nhiều cấm đoán nhưng đàn bà Trung Hoa vẫn phải làm nhiều việc cực nhọc, trong khi đàn bà xứ ta cũng cởi mở thoải mái không khác gì đàn ông và chỉ làm những việc đòi hỏi kiên nhẫn, khéo léo và đảm đương việc thương mại.¹⁷ Đàn bà Việt Nam được miêu tả là mảnh dẻ, duyên dáng, tính tình vui vẻ và linh động, không như người Trung Hoa có vẻ lầm lì, ủ rũ.

Đàn bà Đàng Trong cũng làm cả những việc khác như sửa sang nhà cửa, chèo thuyền trên sông, mang hàng hoá, phẩm vật ra chợ bán, đánh sợi, dệt vải, nhuộm màu và may quần áo. Đàn ông thanh niên thì đa số ở trong quân đội, chỉ còn một số ít làm những công việc khó khăn như lấy tổ yến, đánh cá, chặt cây, sửa tàu bè ... nói chung là những việc tuy nặng nhọc nhưng bán thời gian và còn thì giờ rảnh để vui chơi.

Cũng theo tường thuật của phái đoàn Anh, về tính dục người dân Đàng Trong khá dễ dãi trong việc tiếp xúc với khách lạ – tương tự như những miêu tả về những hiến tặng của một số dân hải đảo cho khách du lịch. Trong nhiều sách vở khác của người Pháp viết về nước ta thời kỳ hậu bán thế kỷ 19 cũng có những trao đổi tương tự nên chúng ta có thể tin rằng phong tục, tập quán của người Việt Nam đã thay đổi khá nhiều trong khoảng 100 năm qua, nhất là ở Đàng Trong, không khắt khe như ngày nay.

Đàn bà mặc áo dài thùng thình, thường là màu xanh hay màu nâu, xuống đến giữa đùi và mặc quần cũng rất rộng. Người Việt không đi vớ hay đi giày nhưng những người ở giai cấp cao thì đi dép. Vào ngày hội hè hay những dịp đặc biệt, đàn bà mặc ba bốn

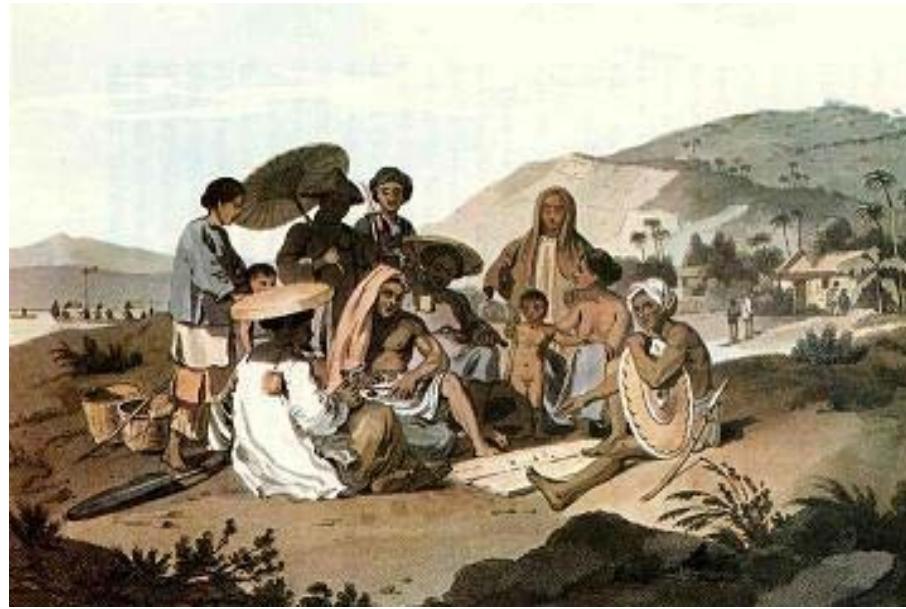
¹⁷ We observed them day after day, and from morning till night, standing in the midst of pools of water, up to the knees, occupied in the transplanting of rice. In fact, all the labours of tillage, and the various employments connected with agriculture, seem to fall to the share of the female peasantry; whilst in Turon, to the management of domestic concerns, add the superintendance of all the details of commerce. John Barrow, sđd. tr. 303

chiếc áo, màu khác nhau và chiều dài cũng khác nhau, cái ngắn nhất ở ngoài cùng. Tóc họ nếu không bới thành búi trên đầu thì để xoã sau lưng, thường dài chấm đất.

Y phục đàn ông cũng không khác đàn bà bao nhiêu nhưng thường chỉ là áo cánh, quần dài. Một số người đội khăn quấn trên đầu, người khác đội nón hay mũ kiểu khác nhau nhưng phần nhiều đều che được mặt để nắng khỏi ăn da và vì thế người Đàng Trong cũng hay mang dù làm bằng giấy bắn dày, hay nón đan bằng lá, hoặc quạt tết bằng lông chim.

Chính vì không coi việc ăn ở là quan trọng (như người Âu Châu) nên khi nào có thể là người Việt cởi trần, không ngại ngùng gì cả. Trong hình vẽ ta cũng thấy hai người đàn ông đánh cờ rất thoải mái, người đàn bà (có đứa con ở bên cạnh) cũng để hở ngực¹⁸. Trẻ con trần truồng cho đến khi bảy tám tuổi mới mặc quần áo.

¹⁸ trong một số hình ảnh về người Đàng Trong đầu thế kỷ 19 khi người Pháp mới qua, chúng ta cũng thấy một số đàn bà ở Hội An để ngực trần chứng tỏ việc ăn mặc của người Việt thời kỳ đó không giống như ngày nay. Nhiều vương quốc lân cận cũng thế và chỉ đến giữa thế kỷ 19, vua Xiêm La mới hạ chiếu bắt đàn bà che ngực vì đã có khá đông người ngoại quốc sinh sống tại Bangkok. Quần áo bó chặt của người Tây phương cũng gây nhiều tranh luận và ở nước ta hiện nay các loại quần áo rộng rãi thoải mái vẫn được ưa chuộng, nhất là khi ở trong nhà hay sinh hoạt thôn xóm.



Hình 9: Một nhóm người Đàng Trong (W. Alexander 1793)

John Barrow, *A Voyage to Cochinchina* (1806) tr. 308-9

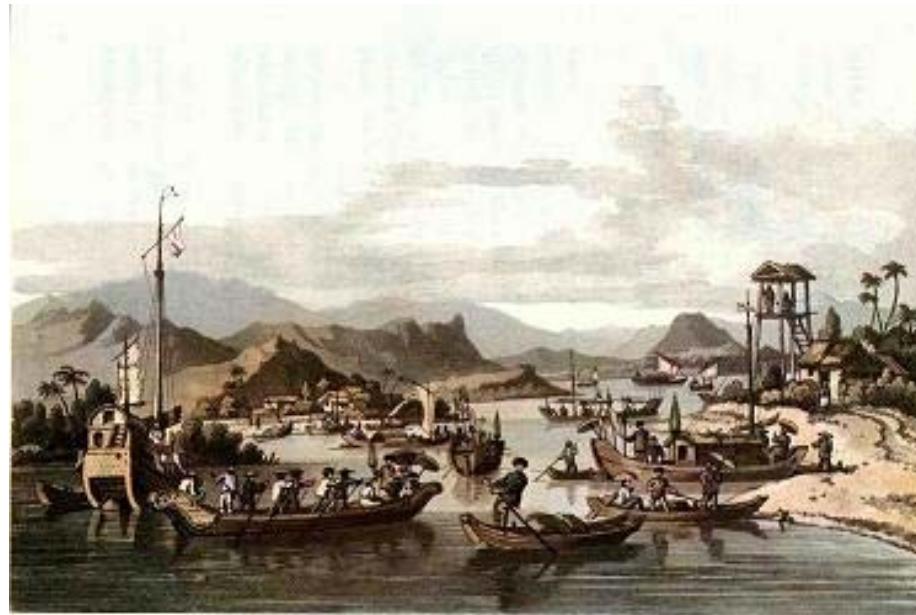
Khi đê cập đến thuyền bè ở Đàng Trong (Hình 10), John Barrow không khỏi thán phục về kỹ thuật đóng tàu của người Việt. Những thuyền chèo tay quả là đẹp, dài từ 50 đến 80 feet (15 đến 24 mét), nhiều cái chỉ gồm 5 mảnh ván ghép lại, mỗi miếng chạy từ đầu này đến đầu kia, mộng khít khao gắn với nhau bằng đinh gỗ và buộc chặt bằng lạt tre mà không cần phải dùng đến đà gỗ. Mũi thuyền nâng lên khá cao, đục chạm thành hình rồng rắn và trang trí bằng hình vẽ hay thép vàng.¹⁹ Thuyền cũng có cột để treo cờ và đuôi nheo, các loại đèn hay lọng để chứng tỏ địa vị của người trên thuyền dựng tại hai mũi thuyền.

Những thuyền được dùng để buôn bán dọc theo bờ biển, đi lấy tổ yến ở ngoài đảo Hoàng Sa (Paracels) thì rất nhiều kiểu khác nhau, cái thì giống như thuyền tam bản của Trung Hoa, có mái che làm thành một cái nhà để sinh sống, cái thì giống như thuyền buồm Mã Lai. Thương nhân ngoại quốc thì đóng thuyền giống như thuyền buôn của người Tàu (junks), kiểu cách không thích hợp cho tàu chiến, chậm nhưng chắc chắn, chủ tàu cũng là tài công, thuỷ thủ và những ghe đó chia thành nhiều khoang để đựng hàng.

Về thuyền chiến của Đàng Trong thời Tây Sơn, phái bộ Anh ghi nhận là có cải tiến thân tàu phần chìm dưới nước nhưng cấu trúc bên trên (cột buồm, buồm và trang bị) thì vẫn giữ nguyên. Tuy nhiên việc thay thế một số bộ phận trước kia bằng gỗ nay bằng tre đã khiến cho người Âu Châu phải thán phục vì chiến thuyền bây giờ nhẹ hơn mà công năng vẫn như cũ.²⁰

¹⁹ John Barrow, sđd. tr. 318-9

²⁰ John Barrow, sđd. tr. 321



Hình 10: Thuyền bè trên sông Hội An (W. Alexander 1793)

John Barrow, *A Voyage to Cochinchina* (1806) tr. 320-21

Về tín ngưỡng của nước ta thời kỳ đó, người dân Đàng Trong sống hoà hợp với thiên nhiên, coi những gì họ được hưởng là ân sủng từ trời đất (Hình 11). Dù là lúa mới, trái cây đầu mùa, cục đường, lá trầu ... cũng được thành kính đặt lên những trang, bàn thờ để tạ ơn. Người Anh thuật lại như sau:

Từ trên thuyền cặp bến một buổi hoàng hôn rực rỡ, tại một thung lũng nhỏ ở phía bắc vịnh Touron, tôi nhìn thấy một người mặc áo màu vàng dài chấm đất, đầu trần cao nhẵn thín, bước đi với đầy vẻ thành tâm đến trước một cây to toả tán rộng, sau là một nhóm dân quê. Khi đến gốc cây họ dừng lại.

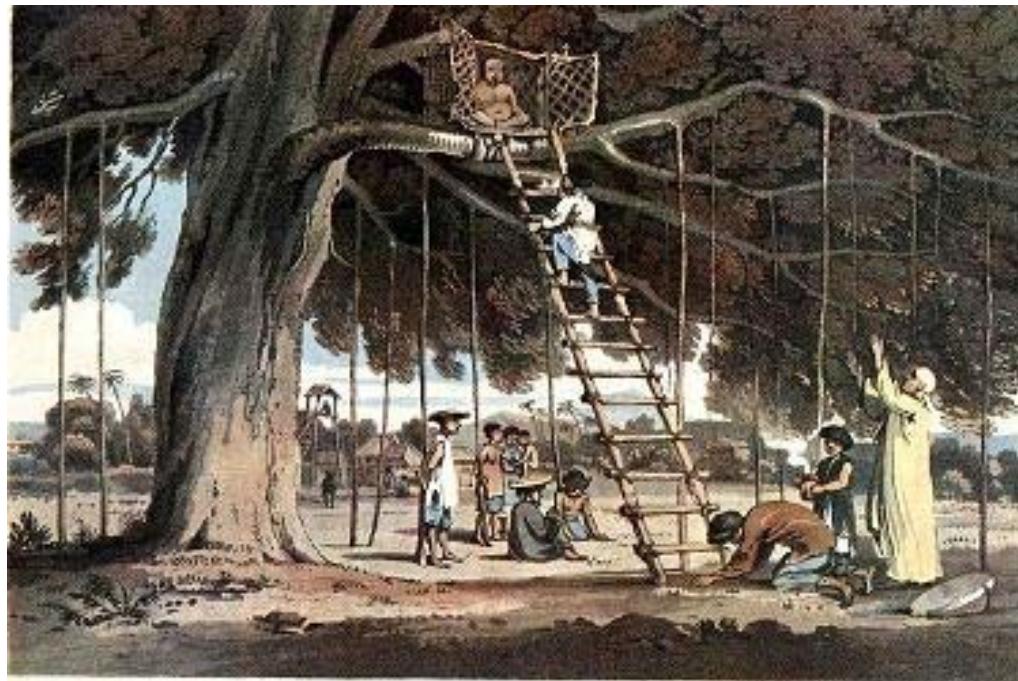
Trên cành chính của cây đa (Ficus Indica) tôi nhìn thấy một cái lồng đan, hai cánh cửa mở buộc chặt vào hai cành cây. Bên trong là một tượng Phật gỗ cùng hình dáng và kiểu ngồi như tại các đền ở Trung Hoa. Đầu trẻ đi hầu nhà sư đứng bên cạnh cầm một đĩa đựng than đang cháy.

Một người nhà quê đem lại một chiếc thang tre, dựng vào cây và một người khác trèo lên để vào trong cái trang, ngay trước pho tượng, hai bát cơm, một chén đường, một chén muối. Nhà sư khi đó ngẩng đầu lên trời, hai tay dang ra, lẩm bẩm gì đó trong khi người vác chiếc thang lại quì xuống lạy chín lần trên đất như tục lệ của người Trung Hoa. Một số đàn bà trẻ con đứng xa xa, vì họ không được lại gần, mặc dầu ni sư nghe nói rất thông thường tại xứ này, và có lẽ hạn chế đó không phải vì tính phái ...²¹

Chúng ta có thể đoán rằng pho tượng đường như là một tượng thổ địa và lễ tục – tuy miêu tả như một nhà sư thực hiện – nhưng có lẽ là một loại “ông đạo” rất phổ biến ở trong Nam, vừa là nhà tu, vừa là đạo sĩ, kiêm nghê thầy pháp trừ tà bắt ma. Sự pha trộn nhiều hình thức tôn giáo lẫn trong phong tục như thế vẫn còn hiện hữu tại một số vùng quê Việt Nam.

Đối với người Âu Châu theo tôn giáo độc thần từ nhiều thế kỷ, việc thờ cúng đủ mọi thứ – từ gốc cây đến tảng đá theo kiểu vái tứ phương – dễ bị coi là mê tín nhưng trên một ý nghĩa nào đó thì cũng nói lên sự gắn bó của con người với khung cảnh mà mình đang sống.

²¹ John Barrow, sđd. tr. 328-9



Hình 11: Dâng lễ vật đầu mùa ở Đàng Trong (W. Alexander 1793)

John Barrow, *A Voyage to Cochinchina* (1806) tr. 328-29

KẾT LUẬN

Ngoài những nghiên cứu về Đàng Trong, phái bộ Macartney không thu hoạch được gì khác trong việc giao thương với nước ta thời kỳ đó. Họ chỉ làm một số khảo sát về hàng hải ở một số hòn đảo, nhất là những địa danh mà Bá Đa Lộc thay mặt chúa Nguyễn nhượng cho Pháp trong hiệp ước Versailles 1787. Điều dễ hiểu là Việt Nam đang trong thế tương tranh và tình hình chưa ngã ngũ về đâu. Macartney, trưởng phái đoàn cũng thấy Việt Nam là một quốc gia nhỏ trong khi viễn tượng có thể thương thảo với Trung Hoa to lớn hơn nhiều nên không có ý định tìm cách buôn bán với triều đình Cảnh Thịnh. Sau khi thất bại tại Trung Hoa, Macartney định quay trở về Đàng Trong để vớt vát phần nào nhưng vì chiến tranh mới xảy ra ở Âu Châu nên dự tính này phải huỷ bỏ.

Phải nói rằng người Anh tương đối có thiện cảm với Việt Nam hơn người Pháp, những nhận xét của họ tuy không khỏi trich thượng nhưng ít ra cũng nể nang hơn các giáo sĩ Pháp đến truyền đạo – và cũng không quá tham lam, chủ trương chiếm nước ta để trực lợi. Chính phụ tá của Macartney là Sir George Staunton cũng muốn bán cho triều đình Cảnh Thịnh súng ống, đạn dược và tàu chiến để tân trang quân đội và nếu tình hình ổn định hơn, nước ta hồi đó có thể đã trở thành một trung tâm thương mại quốc tế:

Xét Đàng Trong (Cochin-China) trên bình diện tổng quát, thì nơi đây quả là tuyệt vời cho việc thương mại. Vì tiếp cận với Trung Hoa, Bắc Hà (Tung-quin), Nhật Bản, Cambodia, Xiêm La, Phi Luật Tân, Bornéo, Sumatra, và Malacca, nơi đây quả là giao lưu của mọi quốc gia vừa dễ dàng, vừa gần gũi. Những hải cảng rất thuận tiện dọc theo ven biển, nhất là hải cảng Đà Nẵng (Turon), là một hậu phương an toàn cho tàu bè bất cứ loại nào trong những mùa bão táp lớn đến đâu chăng nữa ...²²

Một điều quan trọng nữa nếu giao thiệp với người Anh là Việt Nam có ưu điểm rất to lớn. Đó là trong vai trò phiên thuộc bậc nhất của Trung Hoa sau khi phái bộ Quang Trung sang triều cận vua Càn Long, các loại hàng hoá buôn bán với nhà Thanh đều được miễn thuế. Chính sách giao thương mở rộng sẽ biến nước ta thành trung gian để ngoại quốc đem hàng vào Trung Hoa, vừa kiểm soát được toàn bộ khu vực biển đông, vừa khiến cho không nước nào dòm ngó. Cũng trong tường trình của Staunton có đoạn sau đây:

...Vì cần có nơi neo tàu khi mùa gió tây nam nên người Pháp càng thêm tha thiết, một khi chiếm được đảo Callao (Cù lao Chàm) thể nào cũng tìm cách chiếm một địa điểm gần đó trên đất liền ở Đàng Trong. Bờ biển nơi đây có rất nhiều sông ngòi có thể đi lại được. Vào mùa bến đỡ phải đến vài trăm thuyền buôn, trọng tải từ bốn mươi đến một trăm năm mươi tấn từ khắp các hải cảng ở Trung Hoa thường ghé xuống Đàng Trong mua hàng, chủ yếu là cau và đường, riêng đường

²² Nhận định của Phó Trưởng Phái Đoàn Anh Staunton trong *An Authentic Account of An Embassy from the King of Great Britain to the Emperor of China*, London (1797) tr. 354 (trích lại theo Alastair Lamb: *The Mandarin Road to Old Hué* (London, 1970) tr. 153

cũng đã đến 40,000 tấn mỗi năm. Họ trả cho hàng này một số ít là sản phẩm của Tàu nhưng chính yếu là bằng bạc.

Khoảng cách giữa hai quốc gia rất ngắn, nếu thuận gió thì chỉ mất bốn năm ngày, và vì các thuyền đó rời bến chỉ đem thuyền không, xem ra cũng tiện cho họ nếu mang theo trà hay các mặt hàng mà người Âu Châu ưa chuộng làm hàng chuyển sang Đàng Trong.

Chúng tôi cũng biết rằng những hàng hóa đem từ phiên thuộc trên chính những thuyền bè của họ thì không bị Trung Hoa đánh thuế, có lẽ người Pháp cũng biết thế nên họ mới tính toán việc đóng chô tại bờ biển Cochin-china để mua được hàng của người Tàu với giá rẻ hơn những người ngoại quốc khác mua trực tiếp tại nước này, nơi mà thuế quan và chi phí, tính đỗ đồng vào khoảng 10,000 bảng cho mỗi chuyến tàu và nếu loại được chi phí này thì bán ở Âu Châu giá phải hạ hơn.

Hơn nữa, vì mậu dịch của người ngoại quốc bị đóng khung ở Quảng Châu nên cạnh tranh càng thêm gay gắt, nếu như chở hàng bằng chính thuyền của người Tàu từ khắp các bến của họ đến Đàng Trong sẽ lại càng tiện hơn, nhất là vì thế mà hàng hóa Âu Châu theo cách đó có thể đến mọi bến cảng của Trung Hoa chứ không phải chỉ đến Quảng Châu mà thôi.

Trước khi (chúng ta) có thể giao thiệp với triều đình Trung Hoa một cách thân cận hơn để loại trừ việc ganh đua này và đem hàng hóa vào khắp mọi nơi trên lãnh thổ đế quốc này thì việc mua được hàng của họ và bán cho họ hàng Âu Châu qua tay chính người của họ vẫn là một phương thức an toàn và có lợi, cũng tiện hơn cho họ hơn là việc người ngoại quốc trực tiếp giao thiệp như hiện nay.

Nếu những quan thiết này có thể đem lại lợi điểm cho việc thiết lập một trú sở cho một quốc gia Âu Châu ở Đàng Trong thì đó phải là Anh quốc bởi vì, bên cạnh việc có thể bán được hàng hóa cho chính dân của nước này thì các thuộc địa của Anh ở Ấn Độ cũng lại là một thị trường đáng kể cho việc tiêu thụ các hàng hóa của họ.²³

Tuy nhiên, việc nhìn thấy các ưu điểm đó đòi hỏi những nhà lãnh đạo sáng suốt biết nhìn xa trông rộng, có hiểu biết về bang giao quốc tế. Tiếc thay khi đó tình hình nước ta lại rơi vào cảnh phân tranh, nội bộ nhà Tây Sơn cũng không đoàn kết và sau khi thống nhất giang sơn các vua triều Nguyễn lại tiến hành chính sách bế quan tỏa cảng. Nếu tiến hành được một cải tổ kinh tế và chính trị trong thời kỳ đó, Việt Nam đã có một vị trí hoàn toàn khác hẳn, đi trước mọi quốc gia lân cận kể cả Nhật Bản, Xiêm La.

Thế nhưng đó chỉ là một giả thiết mở đầu bằng chữ “nếu”. Cơ hội lịch sử đâu có mấy khi đến hai lần.

Tháng 1 năm 2006

²³ Staunton, sđd. tr. 374-6 (trích lại theo Alastair Lamb, sđd. tr. 153-4)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

-0-

1. Barrow, John. *A Voyage to Cochinchina*. Kuala Lumpur: Oxford University Press, 1975 (in lại theo bản gốc 1806)
2. Brighton Borough Council. *William Alexander, An English Artist in Imperial China*. Brighton, 1981
3. Buttinger, Joseph. *The Smaller Dragon: A Political History of Vietnam*. Frederick A. Praeger, 1966
4. Lamb, Alastair. *Bristish Missions to Cochinchina: 1778-1822*. (Journal of the Malayan Branch Royal Asiatic Society, Vol. 34, Part 3 & 4 – Nos. 195 & 196) Kuala Lumpur: Printcraft Ltd, 1961
5. -----. *The Mandarin Road to Old Hué*. London: Chatto & Windus, 1970
6. Phan Khoang. *Việt Sử xứ Đàng Trong*. TP HCM: Văn Học, 2001
7. Phan Phát Huân. *Việt Nam Giáo Sử*. Calif: Cứu Thế Tùng Thư, 1997
8. Taboulet, Georges. *La Geste Francaise en Indochine* (Tome I). Paris: Librairie d'Amérique et d'Orient, 1955